

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC
VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét:	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	12 – 38
Phụ lục 1	39 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3800237998 đăng ký lần đầu ngày 26/08/2002, thay đổi lần thứ 22 ngày 30/6/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AMERICAN VIETNAMESE BIOTECH INC

Tên Công ty viết tắt: AMVIBIOTECH INC

Trụ sở chính của Công ty tại: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty: Chi nhánh Công ty CP Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ tại Hà Nội là chi nhánh hạch toán Phụ thuộc, có địa chỉ tại Tầng 2, ô số 36 BT 5 Khu đô thị mới Pháp Vân – Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 1.311.056.500.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn ba trăm mười một tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm ngàn đồng). Tương đương với 131.105.650 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Cổ phiếu của công ty được giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là AMV.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nakatani Yoshitaka	Chủ tịch HĐQT
Bà Đặng Nhị Nương	Thành viên HĐQT
Ông Lê Khánh Nguyên	Thành viên HĐQT

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Thị Hương	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Vũ Thu Thủy	Thành viên Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Hương Giang	Thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đặng Nhị Nương	Giám đốc
-------------------	----------

Người đại diện trước pháp luật của Công ty: Bà Đặng Nhị Nương

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng có lợi ích công chúng khác theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;

- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT – BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2023

TM. Ban Giám đốc

Giám đốc





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 478/BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
của Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ*

Kính gửi: Quý cổ đông; Hội đồng Quản trị; Ban Giám đốc
Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ

Chúng tôi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ được lập ngày 24 tháng 08 năm 2023 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 được trình bày từ trang 07 đến trang 41 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Sản xuất kinh doanh Dược và Trang Thiết bị Y tế Việt Mỹ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực

hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đánh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2023; kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như thuyết minh tại Phụ lục số 2 – “Vay và nợ thuê tài chính”: Đến thời điểm 30/06/2023 khoản vay tại Công ty tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt phải trả là: 35.543.529.437 VND (trong đó: đến hạn thanh toán tại thời điểm 30/6/2023 là : 28.645.433.437 VND) đã được Ngân hàng chấp thuận gia hạn thời gian trả nợ từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024 theo công văn số 700/2023/CV – BVBank ngày 18/8/2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Bản Việt.

Hà Nội, ngày 24 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP



Phó Tổng Giám đốc
Hoàng Thị Khánh Vân

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0371 –2023 –133 -1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.598.373.803.302	1.483.965.889.354
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	85.293.695.473	73.050.380.259
1. Tiền	111		35.293.695.473	42.050.380.259
2. Các khoản tương đương tiền	112		50.000.000.000	31.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.000.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.000.000.000	-
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.172.882.135.891	1.162.504.258.873
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4	259.572.647.957	235.287.946.527
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	898.837.583.189	917.014.585.687
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	-	4.900.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7a	15.513.938.466	6.365.201.652
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	8	(1.042.033.721)	(1.063.474.993)
III. Hàng tồn kho	140	9	324.775.839.799	238.513.181.671
1. Hàng tồn kho	141		324.775.839.799	238.513.181.671
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.422.132.139	9.898.068.551
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13a	421.046.851	375.043.212
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.997.810.288	9.519.004.177
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	15	3.275.000	4.021.162
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		395.466.891.118	517.947.183.070
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		103.413.600.000	103.428.600.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7b	103.413.600.000	103.428.600.000
II. Tài sản cố định	220		178.903.212.679	172.963.987.667
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	134.059.804.089	135.198.335.781
- Nguyên giá	222		172.844.121.605	169.561.091.105
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(38.784.317.516)	(34.362.755.324)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	44.843.408.590	37.765.651.886
- Nguyên giá	228		69.284.006.308	59.234.006.308
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(24.440.597.718)	(21.468.354.422)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	12	109.660.397.931	238.904.458.906
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		109.660.397.931	238.904.458.906
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.489.680.508	2.650.136.497
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13b	3.152.258.949	2.201.441.099
2. Lợi thế thương mại	269		337.421.559	448.695.398
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.993.840.694.420	2.001.913.072.424

Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
30/06/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND
Số đầu năm

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
NỢ PHẢI TRẢ	300		312.862.164.537	325.132.985.240
I. Nợ ngắn hạn	310		178.289.764.086	188.887.396.967
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	44.578.868.102	58.775.849.251
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		21.000.000	21.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	1.104.414.896	2.197.136.282
4. Phải trả người lao động	314		1.690.256.615	1.228.871.127
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	14.861.236.567	12.552.956.944
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		166.666.667	366.666.667
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	77.538.799.589	77.355.259.191
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18a	35.778.533.650	36.358.169.505
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	19	2.549.988.000	31.488.000
II. Nợ dài hạn	330		134.572.400.451	136.245.588.273
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	-	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	18b	134.572.400.451	134.160.588.273
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	-	2.085.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.680.978.529.883	1.676.780.087.184
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	1.680.978.529.883	1.676.780.087.184
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.311.056.500.000	1.311.056.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.311.056.500.000	1.311.056.500.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(395.300.000)	(395.300.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		298.633.451.551	293.404.036.924
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		293.404.036.924	238.764.100.184
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.229.414.627	54.639.936.740
4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		71.683.878.332	72.714.850.260
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.993.840.694.420	2.001.913.072.424

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Minh Hoa

Lê Thị Việt Hà

Đặng Nhị Nương



Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái,
Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến
ngày 30/06/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	97.813.688.235	126.817.349.235
2. Các khoản giảm trừ	02	22	3.028.000	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		97.810.660.235	126.817.349.235
4. Giá vốn hàng bán	11	23	74.996.409.957	73.972.371.057
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		22.814.250.278	52.844.978.178
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.018.589.513	1.272.120.812
7. Chi phí tài chính	22	25	10.342.566.295	10.638.878.266
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		9.719.965.870	10.222.593.789
8. Chi phí bán hàng	24	26	1.954.330.624	187.848.121
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	27	6.751.806.701	7.042.755.938
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		4.784.136.171	36.247.616.665
11. Thu nhập khác	31	28	326.081.961	12.118.545.884
12. Chi phí khác	32	29	488.477.342	241.982.182
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(162.395.381)	11.876.563.702
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.621.740.790	48.124.180.367
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	20.945.519	674.562.754
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.600.795.271	47.449.617.613
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		5.229.414.627	46.128.111.152
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(628.619.356)	1.321.506.461
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	40	480,0

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Nguyễn Minh Hoa

Lê Thị Việt Hà

Đặng Nhị Nương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Phương pháp gián tiếp
6 tháng đầu năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.621.740.790	48.124.180.367
2. Điều chỉnh cho các khoản		19.033.975.556	6.371.223.229
- Khấu hao tài sản cố định	02	10.848.473.227	9.330.964.036
- Các khoản dự phòng	03	(454.941.272)	(1.467.834.002)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.079.522.269)	(11.714.500.594)
- Chi phí lãi vay	06	9.719.965.870	10.222.593.789
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	23.655.716.346	54.495.403.596
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	10.654.079.905	(51.140.682.042)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(5.751.944.269)	(8.837.345.146)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(30.541.064.845)	(709.375.415)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(1.156.675.235)	142.273.628
- Tiền lãi vay đã trả	14	(7.411.574.052)	(8.126.351.704)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.594.170.351)	(112.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(12.145.632.501)	(14.176.189.083)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(90.000.000)	(1.226.079.786)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	21.184.148.499
- Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của ĐV khác	23	(8.000.000.000)	(4.000.000.000)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.900.000.000	
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	27.548.909.742	
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	609.673.828	301.993.278
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	24.968.583.570	16.260.061.991

Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
30/06/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
Phương pháp gián tiếp

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	Kỳ này	Kỳ trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	399.967.890.000
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(579.635.855)	(8.163.589.521)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	1.794.824.385
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(579.635.855)	393.599.124.864
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	12.243.315.214	395.682.997.772
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	73.050.380.259	29.030.212.539
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	85.293.695.473	424.713.210.311

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2023

Người lập biểu

Nguyễn Minh Hoa

Kế toán trưởng

Lê Thị Việt Hà



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 3800237998 đăng ký lần đầu ngày 26/08/2002, thay đổi lần thứ 22 ngày 30/6/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AMERICAN VIETNAMESE BIOTECH INC

Tên Công ty viết tắt: AMVIBIOTECH INC

Trụ sở chính của Công ty tại: Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Lương, số 85 Hoàng Văn Thái, phường Tân Phú, Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh

Chi nhánh Công ty: Chi nhánh Công ty CP Sản xuất kinh doanh Dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ tại Hà Nội là chi nhánh hạch toán Phụ thuộc, có địa chỉ tại Tầng 2, ô số 36 BT 5 Khu đô thị mới Pháp Vân – Tứ Hiệp, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 1.311.056.500.000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn ba trăm mười một tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, năm trăm ngàn đồng). Tương đương với 131.105.650 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Số cán bộ công nhân viên tại văn phòng công ty đến thời điểm 30/6/2023 là: 16 người

Lĩnh vực kinh doanh:

Trang thiết bị y tế và hóa chất xét nghiệm y tế.

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động chính của công ty là:

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. (Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất xét nghiệm y tế);
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. (Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế);
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. (Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. (Chi tiết: Kinh doanh địa ốc);

- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh; Đại lý, môi giới, đấu giá.
(Chi tiết: Đại lý ký gửi hàng hoá; Sản xuất sản phẩm từ plastic);
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. (Chi tiết: Đầu tư tài chính);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. (Chi tiết: Chuyển giao công nghệ)

...

Cấu trúc công ty:

Tại thời điểm 30/6/2023 công ty có 17 công ty con sở hữu trực tiếp và 2 công ty con sở hữu gián tiếp.

Cụ thể như sau:

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Các công ty sở hữu trực tiếp			
- Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	Số 307 Đường Nguyễn Du kéo dài, phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam	83,33%	Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế, bán buôn máy móc, thiết bị y tế
- Công ty CP Phát triển Công nghệ Hạ Long Kyoto	Lô A15, cụm công nghiệp Nam Sơn, Xã Nam Sơn, Huyện Ba Chẽ, Tỉnh Quảng Ninh	99,00%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
- Công ty CP Phòng khám Bãi Cháy Kyoto	Tổ 4 khu 4 TT Bãi Cháy TP Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa, nha khoa
- Công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu	Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, Việt Nam	98,00%	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung
- Công ty CP Phát triển Công nghiệp Vũng Áng Kyoto	Lô số B1 khu kinh tế Vũng Áng 1, phường Kỳ Thịnh, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	98,00%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu
- Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc Gia Việt Nam	Tầng 6, tòa nhà VTC online 18 Tam Trinh, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	98,00%	Lập trình máy tính
- Công ty CP PTCN Lạng Sơn Kyoto	Lô M3, Cụm công nghiệp địa phương số 2, Xã Hợp Thành, Huyện Cao Lộc, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam	99,00%	Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Phòng khám Hà Đông	Tầng 3 Số 1 Phúc Thịnh, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Hòa Bình	Số 83 Đường Cù Chính Lan, phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, Tỉnh Hòa Bình	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Việt Trì	Số 307 đường Nguyễn Du kéo dài, Phường Nông Trang, Thành phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Kỹ thuật cao Gia Lâm	18 BT5 khu đô thị Pháp Vân- Tứ Hiệp, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai Thành phố Hà Nội, Việt Nam	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Medicare Cần Thơ	Số 408 đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Medicare Hậu Giang	Số 16, Lầu 1, đường số 14, Khu vực 4, Phường III, Thành phố Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Medicare Sóc Trăng	Lầu 1 số 438 đường Lê Duẩn, khóm 4, Phường 4, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Medicare Ngã Bảy	Số 96, Nguyễn Thị Minh Khai, Khu vực 3, Phường Ngã Bảy, Thành phố Ngã Bảy, Tỉnh Hậu Giang	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Leopard Solution	Số 34, Đường 79, Ấp Đình, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh	75,00%	Lập trình máy tính
- Công ty CP Phòng khám Medicare Tô Hiến Thành	Lầu 1, Số 9 Tô Hiến Thành, Phường 4, Thành Phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu, VN	98,00%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động kinh doanh chính
Các công ty sở hữu gián tiếp			
- Công ty CP Phòng khám Medicare Tân Thới Hiệp	402 Tân Thới Hiệp, khu phố 4, phường Tân Thới Hiệp, quận 12, TP Hồ Chí Minh	96,04%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa
- Công ty CP Phòng khám Medicare Nhà Bè	568 Lê Văn Lương Ấp 3, xã Phước Kiển. Huyện Nhà Bè, TP Hồ Chí Minh	96,04%	Phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty sau khi mua.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------------|-------------|
| - Máy móc, thiết bị | 06 – 10 năm |
| - Phần mềm | 10 năm |
| - Tài sản cố định vô hình khác | 20 năm |

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.14. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN như sau:

- Thuế suất 20% đối với các hoạt động kinh doanh, dịch vụ khác
- Thuế suất đối với hoạt động xây dựng bảo trì phần mềm tin học, cho thuê phần mềm,...

Thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động sản xuất phần mềm, cung cấp dịch vụ phần mềm, Công ty áp dụng tại mức thuế suất là 10% trong thời hạn là 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động kinh doanh; Công ty được miễn thuế trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 09 năm tiếp theo

2.16. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.17 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

a. Mục đích lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC – hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

b. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính từ Công ty mẹ và các Công ty con. Các Công ty được xác định là công ty con của Công ty khi có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các Công ty này.

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các chính sách kế toán của các Công ty con có thể được điều chỉnh nhằm đảm bảo chính sách kế toán được áp dụng ở Công ty mẹ và các Công ty con không có sự khác biệt đáng kể.

Tất cả các nghiệp vụ (giao dịch) và số dư chủ yếu giữa các Công ty con trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Giá trị khoản đầu tư của Công ty vào các Công ty liên kết được phản ánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ tại Công ty liên kết tương ứng vượt quá phần vốn góp của Tổng Công ty tại các Công ty này đều không được ghi nhận.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt, tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ đi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty mẹ được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty mẹ, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty mẹ phải chia sẻ vượt quá lợi ích của công ty mẹ trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty mẹ có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
30/06/2023

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Tiền mặt tại quỹ	27.507.521.155	41.907.713.303
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.786.174.318	142.666.956
- Các khoản tương đương tiền (*)	50.000.000.000	31.000.000.000
	85.293.695.473	73.050.380.259

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - chi nhánh Ba Đình. Thời hạn của Hợp đồng: Từ ngày 23/6/2023 đến ngày 24/7/2023, lãi suất 4,3%/năm.

4. PHẢI THU KHÁCH HÀNG	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Công ty CP Đầu tư Kỹ thuật cao Cần Thơ	4.350.000.000	22.258.000.000
- Công ty CP Công nghệ cao G7 (a)	18.370.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Lou (b)	27.724.842.706	-
- Công ty CP Vinam (c)	18.370.000.000	-
- Công ty CP Trung tâm xét nghiệm và Môi trường Cần Thơ	6.000.000.000	20.001.952.500
- JWB CO.,LTD (d)	49.350.854.250	35.641.373.850
- Công ty CP Kanpeki Nhật Bản	4.250.880.000	9.045.270.000
- Công ty TNHH Thiết bị y học Nhật (e)	42.610.533.414	29.000.692.439
- Công Ty TNHH Công Trình Và Thiết Bị Kỹ Thuật Miền Nam (g)	58.024.000.000	72.161.940.000
- Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Sara (h)	18.091.500.000	6.156.000.000
- Các khách hàng khác	12.430.037.587	41.022.717.738
Cộng	259.572.647.957	235.287.946.527

(a) Phải thu Công ty CP Công nghệ cao G7: Theo Hợp đồng số 1605/2023/AMV-G7 ngày 16/5/2023 về việc cung cấp lò đốt rác kỹ thuật cao. Thời gian thanh toán: 210 ngày kể từ ngày giao hàng.

(b): Công ty CP Đầu tư Lou : Khoản phải thu ở công ty CP Sản xuất Phần mềm quốc gia về việc cung cấp phần mềm quản lý dữ liệu y tế và tại Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ về chuyển nhượng một số hạng mục dự án Trung tâm xét nghiệm Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ và Trung tâm xét nghiệm Trung tâm y tế Thanh Sơn.
Thời gian thanh toán: 365 ngày kể từ ngày Hợp đồng được ký kết

(c) : Khoản phải thu Công ty CP Vinam: Theo Hợp đồng số 0506/2023/HĐKT/BVVM-CVN ngày 15/6/2023 tại Công ty Cổ phần Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ về việc cung cấp lò đốt rác (bằng công nghệ đốt áp suất âm, không khói). Thời gian thanh toán trong vòng 3 tháng kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

(d) Phải thu JWB CO.,LTD về việc cung cấp Phần mềm quản lý tổng thể bệnh viện thông minh Smart His tại Công ty CP sản xuất phần mềm quốc gia Việt Nam, tại Công ty CP phát triển công nghệ Vững Áng Kyoto theo hợp đồng gia công và theo hợp đồng cung cấp hàng hóa tại Công ty CP Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu. Thời hạn thanh toán : 31/12/2023

Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
30/06/2023

(e): Khoản phải thu Công ty TNHH Thiết bị Y học Nhật theo của Hợp đồng kinh tế số : 1002/2023/ BVVM-YHN ngày 10 tháng 02 năm 2023 và Hợp đồng cung cấp thiết bị số 0510/2022/HĐKT/BVVM-YHN ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc mua lò đốt rác y tế tại Công ty cổ phần Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ. Thời hạn thanh toán là 31/12/2023.

(g): Phải thu Công ty TNHH Công trình và Thiết bị Kỹ thuật Miền Nam về việc mua các loại phần mềm quản lý và lưu trữ y tế của Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ và cung cấp hàng hóa với Công ty CP Phát triển Công nghệ Hạ Long Kyoto. Thời gian thanh toán đến 29/09/2023.

(h): Khoản phải thu Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Sara tại Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc gia Việt Nam và Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ về việc cung cấp phần mềm chữ ký điện tử trên nền tảng Blockchain và phần mềm nhận dạng khuôn mặt bằng camera thông minh AICAM.

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ (a)	356.560.000.000	356.560.000.000
- Công ty Cổ Phần Đầu tư Lou	55.880.000.000	55.880.000.000
- Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản (b)	86.311.035.643	86.720.000.000
- Công ty CP Tập đoàn quốc tế Aiko	20.450.000.000	20.450.000.000
- Công ty cổ phần trung tâm xét nghiệm và môi trường Cần Thơ	47.000.000.000	47.000.000.000
- Công ty CP ứng dụng công nghệ cao y tế Nha Trang (c)	92.200.000.000	92.200.000.000
- Công ty TNHH Công trình và thiết bị kỹ thuật Miền Nam	19.510.000.000	19.510.000.000
- Công ty TNHH Môi trường Y Tế Công Nghệ Cao	41.455.000.000	61.400.000.000
- Công ty CP Đầu tư Thương mại máy nông nghiệp Hòa Bình	18.000.000.000	29.000.000.000
- Công ty Cổ phần đầu tư Bệnh viện SaRa (d)	144.060.000.000	144.060.000.000
- Trả trước cho người bán khác	17.411.547.546	4.234.585.687
Cộng	898.837.583.189	917.014.585.687

(a) Đây là khoản ứng trước theo các hợp đồng của các công ty con với Công ty Cổ phần đầu tư Kỹ thuật Cao Cần Thơ về việc cung ứng xe khám lưu động và cung ứng trang thiết bị. Thời hạn giao hàng là tháng 11 năm 2023.

(b) Đây là khoản ứng trước tiền mua hệ thống PACS theo Hợp đồng kinh tế với Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản của các công ty con (Công ty CP Phòng khám Bãi Cháy Kyoto, công ty CP Phát triển công nghệ Hạ Long Kyoto); Hợp đồng cung ứng trang thiết bị với Công ty CP phòng khám Medicare Sóc Trăng

(c) Đây là khoản ứng trước tiền mua máy móc, thiết bị y tế (máy cắt phẳng plasma, máy khoan cần, máy cưa....) theo điều khoản hợp đồng của các công ty con (Công ty CP PK Việt Trì, Công ty CP phát triển công nghệ Vũng Áng Kyoto, công ty CP nghiên cứu áp dụng công nghệ mới sông hậu). Thời gian giao hàng đến tháng 11 năm 2023.

(d) Đây là khoản ứng trước tiền về việc cung ứng xe khám lưu động theo hợp đồng kinh tế với Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Sara của các công ty con (Công ty CP Phòng khám Việt Trì, công ty CP phòng khám Medicare Hậu Giang, công ty CP Phòng khám Medicare Ngã Bảy).

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các đối tượng khác	-	-	4.900.000.000	-
	-	-	4.900.000.000	-

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a. Ngắn hạn	15.513.938.466		6.365.201.652	-
- Tạm ứng	1.510.764.622	-	1.455.742.502	-
- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	386.839.773	-	1.512.684.993	-
- Phải thu khác	13.616.334.071	-	3.396.774.157	-
+ Phải thu Huỳnh Chí Cường (*)	10.000.000.000	-	-	-
+ Phải thu khác	3.616.334.071	-	3.396.774.157	-
b. Dài hạn	103.413.600.000	-	103.428.600.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	149.000.000	-	164.000.000	-
- Công Ty Cổ phần Sa Ra Vũng Tàu (**)	61.717.000.000	-	61.717.000.000	-
- Công ty CP Tập Đoàn Quốc Tế Aiko (***)	41.547.600.000	-	41.547.600.000	-
	118.927.538.466	-	109.793.801.652	-

(*) Khoản còn phải thu Ông Huỳnh Chí Cường về tiền chuyển nhượng cổ phần công ty Cổ phần Phòng khám kỹ thuật cao Techcare Bạc Liêu. Tổng số tiền thu về chuyển nhượng cổ phần là: 29.400.000.000 VND, số còn phải thu đến 30/6/2023 là: 10.000.000.000 VND. Khoản tiền này đã được khách hàng chuyển khoản vào Ngân hàng Techcombank tháng 7/2023.

(**): Đây là khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ (Bên A) với Công ty CP Sara Vũng Tàu (Bên B) theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 11.12/2020/SRVT-BVVM ngày 11/12/2020 về việc: "Đầu tư dự án khu xử lý tập trung rác thải y tế". Tổng giá trị khoản đầu tư tạm tính là 123.434.000.000 đồng. Trong đó Bên A góp tương đương 50% giá trị khoản đầu tư. Thời hạn hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 2 bên ký hợp đồng. Hiện tại dự án vẫn đang được các bên tiếp tục triển khai thực hiện.

(***): Đây là khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ (Bên A) với Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Aiko (Bên B) theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 10.12/2020/AIKO-BVVM ngày 10/12/2020 về việc: "đầu tư lắp đặt hệ thống máy Spect và trang thiết bị cho Hotlab Spect, Hotlab Iot tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ". Tổng giá trị khoản đầu tư tạm tính là 46.164.000.000 đồng. Trong đó Bên A góp tương đương 90% giá trị khoản đầu tư. Thời hạn hợp đồng là 09 năm 04 tháng kể từ ngày 2 bên ký hợp đồng. Hiện tại, dự án vẫn đang được các bên tiếp tục triển khai thực hiện.

Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
30/06/2023

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	1.460.452.118	418.418.397	1.504.561.792	441.086.798
- Công ty TNHH Kỹ thuật Thanh Hà	1.352.357.988	405.708.396	1.352.357.988	405.708.396
- Các khách hàng khác	108.094.130	12.710.001	152.203.804	35.378.402
Cộng	1.460.452.118	418.418.397	1.504.561.792	441.086.798

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Nguyên liệu, vật liệu	148.691.362	-	150.787.638	-
- Công cụ, dụng cụ	128.855.514	-	95.773.545	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	118.900.144	-	-	-
- Hàng hoá(*)	324.379.392.779	-	238.266.620.488	-
Cộng	324.775.839.799	-	238.513.181.671	-

(*) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

Tên hàng hóa	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phần mềm các loại	140.080.690.416	152.094.682.692
Hàng hóa khác	184.298.702.363	86.171.937.796
Cộng	324.379.392.779	238.266.620.488

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0 VND.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc thiết bị	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND Cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ					
Số đầu năm	10.894.525.377	244.540.000	158.422.025.728		169.561.091.105
Tăng trong kỳ	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	20.000.000.000		20.000.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	16.716.969.500	-	16.716.969.500
- Thanh lý nhượng bán			16.716.969.500		16.716.969.500
Số cuối kỳ	10.894.525.377	244.540.000	161.705.056.228	-	172.844.121.605
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số đầu năm	1.639.247.031	108.629.657	32.614.878.636		34.362.755.324
Tăng trong kỳ	330.545.658	30.567.498	7.403.842.936	-	7.764.956.092
- Khấu hao trong kỳ	330.545.658	30.567.498	7.403.842.936		7.764.956.092
Giảm trong kỳ	-	-	3.343.393.900	-	3.343.393.900
- Thanh lý nhượng bán			3.343.393.900		3.343.393.900
Số cuối kỳ	1.969.792.689	139.197.155	36.675.327.672	-	38.784.317.516
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	9.255.278.346	135.910.343	125.807.147.092	-	135.198.335.781
Số cuối năm	8.924.732.688	105.342.845	125.029.728.556	-	134.059.804.089

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đang thể chấp các khoản vay: 120.409.904.365 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm	Bản quyền, bằng sáng chế	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	50.126.176.308	9.107.830.000	59.234.006.308
- Mua trong kỳ	10.050.000.000		10.050.000.000
- Giảm khác			-
Số cuối kỳ	60.176.176.308	9.107.830.000	69.284.006.308
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	12.815.915.931	8.652.438.491	21.468.354.422
- Khấu hao trong kỳ	2.744.547.544	227.695.752	2.972.243.296
- Giảm khác			-
Số cuối kỳ	15.560.463.475	8.880.134.243	24.440.597.718
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	37.310.260.377	455.391.509	37.765.651.886
Tại ngày cuối kỳ	44.615.712.833	227.695.757	44.843.408.590

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ vô hình đang thế chấp các khoản vay: 9.882.500.000 VND

- Giá trị TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 0 VND

Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
30/06/2023

12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
- Mua sắm TSCĐ	109.311.906.113	109.221.906.113
- Xây dựng cơ bản dở dang	348.491.818	129.682.552.793
+ Trung tâm xét nghiệm Huyện Thanh Sơn (*)	-	67.433.389.768
+ Trung tâm xét nghiệm BVĐK Tỉnh Phú Thọ (*)	-	49.950.916.240
+ Trung tâm xét nghiệm BVĐK Thị xã Phú Thọ (*)	-	11.949.754.967
+ XDCB khác	348.491.818	348.491.818
Cộng	109.660.397.931	238.904.458.906

(*) Công ty CP đầu tư Bệnh Viện Việt Mỹ không tiếp tục thực hiện các dự án "Trung tâm xét nghiệm Huyện Thanh Sơn, Trung tâm xét nghiệm BVĐK Tỉnh Phú Thọ, Trung tâm xét nghiệm BVĐK Thị xã Phú Thọ" do đó các vật tư, hàng hóa dở dang được chuyển nhượng và thu hồi về công ty.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn	421.046.851	375.043.212
- Công cụ dụng cụ	8.925.686	32.000.000
- Chi phí khác	412.121.165	343.043.212
b. Dài hạn	3.152.258.949	2.201.441.099
- Chi phí đào tạo cán bộ	1.440.803.386	1.525.556.526
- Công cụ dụng cụ, vật tư VP	372.695.769	530.075.640
- Chi phí khác	1.338.759.794	145.808.933
Cộng	3.573.305.800	2.576.484.311

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Sara Việt Nam	17.752.000.000	17.752.000.000	35.208.000.000	35.208.000.000
- Công ty CP Công nghệ Y tế Việt Hàn	2.511.000.000	2.511.000.000	3.916.500.000	3.916.500.000
- Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	13.049.833.178	13.049.833.178	1.335.223.166	1.335.223.166
- Công ty TNHH Kỹ thuật Hồng Anh	5.925.908.490	5.925.908.490	5.925.908.490	5.925.908.490
- Phải trả người bán khác	5.340.126.434	5.340.126.434	12.390.217.595	12.390.217.595
	44.578.868.102	44.578.868.102	58.775.849.251	58.775.849.251

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh		Số cuối kỳ	
	Số phải thu	Số phải trả	Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải thu	Số phải trả
Thuế Giá trị gia tăng đầu ra	1.021.162	322.641.423	257.612.166	367.743.312	-	211.489.115
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.687.978.610	20.945.520	1.594.170.351	-	114.753.779
Thuế Thu nhập cá nhân	-	186.516.249	210.240.208	165.731.563	275.000	231.299.890
Các loại thuế khác	-	-	536.183.008	-	-	536.183.008
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.000.000	-	80.604.663	69.915.559	3.000.000	10.689.104
Cộng	4.021.162	2.197.136.282	1.105.585.565	2.197.560.785	3.275.000	1.104.414.896

Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái,
Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
30/06/2023

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Lãi vay phải trả	7.265.216.276	4.911.224.741
- Lãi trái phiếu phải trả	7.250.820.291	7.296.420.008
- Chi phí khác	345.200.000	345.312.195
Cộng	14.861.236.567	12.552.956.944

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	77.538.799.589	77.355.259.191
- KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	45.881.250	14.196.546
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	77.492.918.339	77.341.062.645
+ <i>Cổ tức phải trả 2019 (*)</i>	<i>75.924.090.000</i>	<i>76.740.416.531</i>
+ <i>Cổ tức phải trả khác</i>	<i>816.326.531</i>	<i>600.646.114</i>
+ <i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>752.501.808</i>	-
Cộng	77.538.799.589	77.355.259.191

(*) Đây là khoản cổ tức 2019 phải trả cổ đông hiện hữu theo danh sách cổ đông chốt ngày 12/01/2021, tỷ lệ chi trả 20%; Ngày trả cổ tức dự kiến là ngày 28/02/2024 và 28/08/2024 (theo Nghị quyết số 2402/NQHĐQT/AMV ngày 24/02/2023 của HĐQT).

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
- Vay và nợ ngắn hạn	35.778.533.650	36.358.169.505
+ <i>Vay ngắn hạn</i>	-	-
+ <i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>35.778.533.650</i>	<i>36.358.169.505</i>
- Vay và nợ dài hạn	134.572.400.451	134.160.588.273
+ <i>Vay dài hạn</i>	-	-
+ <i>Trái phiếu phát hành</i>	<i>134.572.400.451</i>	<i>134.160.588.273</i>
Cộng	170.350.934.101	170.518.757.778

(chi tiết các khoản vay xem phụ lục 1)

19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	2.549.988.000	31.488.000
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	2.549.988.000	31.488.000
Dài hạn	-	2.085.000.000
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	-	2.085.000.000
Cộng	2.549.988.000	2.116.488.000

Đây là các khoản phải trả về bảo hành sản phẩm tại Công ty CP nghiên cứu áp dụng công nghệ mới Sông Hậu, Công ty CP Phát triển công nghệ Vững Áng Kyoto, Công ty CP Sản xuất Phần mềm Quốc Gia Việt Nam có thời hạn bảo hành còn lại dưới 1 năm.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	911.088.610.000	(175.000.000)	238.764.100.184	64.553.857.948	1.214.231.568.132
- Tăng vốn trong năm trước	399.967.890.000	-	-	-	399.967.890.000
- Lãi trong năm trước	-	-	54.639.936.740	1.773.065.887	56.413.002.627
- Tăng/giảm khác	-	(220.300.000)	-	(3.422.000.000)	(3.642.300.000)
- Cổ tức	-	-	-	(540.816.327)	(540.816.327)
- Tăng/giảm do thoái vốn	-	-	-	10.350.742.752	10.350.742.752
Số dư cuối năm trước	1.311.056.500.000	(395.300.000)	293.404.036.924	72.714.850.260	1.676.780.087.184
Số dư đầu năm nay	1.311.056.500.000	(395.300.000)	293.404.036.924	72.714.850.260	1.676.780.087.184
- Lãi (lỗ) trong kỳ này	-	-	5.229.414.627	(628.619.356)	4.600.795.271
- Tăng/giảm khác	-	-	-	(198.270.940)	(198.270.940)
- Cổ tức	-	-	-	(204.081.632)	(204.081.632)
- Tăng/ giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	1.311.056.500.000	(395.300.000)	298.633.451.551	71.683.878.332	1.680.978.529.883

Đơn vị tính: VND

Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
 Tầng 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
 Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
 30/06/2023

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.311.056.500.000	911.088.610.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	399.967.890.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	<u>1.311.056.500.000</u>	<u>1.311.056.500.000</u>

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	131.105.650	131.105.650
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	131.105.650	131.105.650
- Cổ phiếu phổ thông	131.105.650	131.105.650
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	131.105.650	131.105.650
- Cổ phiếu phổ thông	131.105.650	131.105.650
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/CP		

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Doanh thu bán hàng hóa	82.850.515.871	119.615.105.517
- Doanh thu bán phần mềm và cung cấp dịch vụ	14.963.172.364	7.202.243.718
	<u>97.813.688.235</u>	<u>126.817.349.235</u>

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Hàng bán bị trả lại	3.028.000	-
Cộng	<u>3.028.000</u>	<u>-</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Giá vốn hàng hóa đã bán	73.364.358.122	73.198.370.591
- Giá vốn bán phần mềm và cung cấp dịch vụ	1.632.051.835	774.000.466
	<u>74.996.409.957</u>	<u>73.972.371.057</u>

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền gửi, cho vay	609.673.828	35.034.828
- Lãi chênh lệch tỷ giá	265.023.644	970.127.534
- Lãi thoái vốn	143.892.041	-
- Lãi hợp tác kinh doanh	-	266.958.450
	<u>1.018.589.513</u>	<u>1.272.120.812</u>

Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
30/06/2023

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Lãi tiền vay	9.719.965.870	10.222.593.789
- Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	411.821.178	407.675.877
- Chênh lệch tỷ giá	210.779.247	8.608.600
	10.342.566.295	10.638.878.266

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu	76.249.796	30.485.866
- Chi phí dự phòng	433.500.000	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.777.828	157.362.255
- Chi phí khác bằng tiền	1.255.803.000	
Cộng	1.954.330.624	187.848.121

27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi phí nguyên, vật liệu, CCDC	313.273.633	166.247.392
- Chi phí nhân công	3.865.707.883	3.941.127.000
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.567.498	30.567.498
- Chi phí dự phòng	(21.444.272)	617.165.998
- Thuế, phí, lệ phí	61.729.568	110.254.285
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.182.017.355	1.897.964.089
- Chi phí khác bằng tiền	208.681.198	254.502.153
- Phân bổ lợi thế thương mại	111.273.838	24.927.523
	6.751.806.701	7.042.755.938

28. THU NHẬP KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Thanh lý tài sản cố định	325.956.400	11.412.507.316
- Thu nhập khác	125.561	706.038.568
	326.081.961	12.118.545.884

29. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
- Chi thanh lý TSCĐ		
- Các khoản tiền phạt	43.028.450	14.240.931
- Khấu hao loại trừ	227.695.752	227.695.752
- Chi phí khác	217.753.140	45.499
	488.477.342	241.982.182

Công ty CP Sản xuất KD được và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
30/06/2023

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thuế TNDN phải nộp kỳ này	20.945.519	674.562.754
Cộng	20.945.519	674.562.754

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.229.414.627	46.128.111.152
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.229.414.627	46.128.111.152
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	131.105.650	96.191.326
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	40	480

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.293.695.473		73.050.380.259	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	378.500.186.423	(1.042.033.721)	345.081.748.179	(1.063.474.993)
Các khoản cho vay	-		4.900.000.000	
	463.793.881.896	(1.042.033.721)	423.032.128.438	(1.063.474.993)

Nợ phải trả tài chính

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Vay và nợ	170.350.934.101	170.518.757.778
Phải trả người bán, phải trả khác	122.117.667.691	136.131.108.442
Chi phí phải trả	14.861.236.567	12.552.956.944
	307.329.838.359	319.202.823.164

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.293.695.473			85.293.695.473
Phải thu khách hàng, phải thu khác	275.086.586.423	103.413.600.000		378.500.186.423
Các khoản cho vay	-	-	-	-
	<u>360.380.281.896</u>	<u>103.413.600.000</u>	<u>-</u>	<u>463.793.881.896</u>
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.050.380.259			73.050.380.259
Phải thu khách hàng, phải thu khác	241.653.148.179	103.428.600.000		345.081.748.179
Các khoản cho vay	4.900.000.000	-		4.900.000.000
	<u>319.603.528.438</u>	<u>103.428.600.000</u>	<u>-</u>	<u>423.032.128.438</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
 Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
 Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
 30/06/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	35.778.533.650	134.572.400.451		170.350.934.101
Phải trả người bán, phải trả khác	122.117.667.691	-		122.117.667.691
Chi phí phải trả	14.861.236.567	-		14.861.236.567
	172.757.437.908	134.572.400.451	-	307.329.838.359
Số đầu năm				
Vay và nợ	36.358.169.505	134.160.588.273		170.518.757.778
Phải trả người bán, phải trả khác	136.131.108.442	-		136.131.108.442
Chi phí phải trả	12.552.956.944	-		12.552.956.944
	185.042.234.891	134.160.588.273	-	319.202.823.164

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các thông tin không trình bày trên Lưu chuyển tiền tệ do không thực hiện giao dịch bằng tiền:

	Kỳ này VND
- Giảm Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, tăng hàng hóa nhập kho: do thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh	110.560.713.860
- Giảm Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, tăng chi phí trả trước: do thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh	159.853.746
- Tăng nguyên giá TSCĐ, giảm hàng hóa	30.050.000.000
- Điều chỉnh tăng chi tiêu tăng/giảm hàng tồn kho	80.510.713.860
- Giảm phải thu khác, giảm tăng/giảm các khoản đầu tư	10.000.000.000

35. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHÓA SỔ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc khóa sổ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này

36. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
 Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
 Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
 30/06/2023

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Bán hàng hóa	Bán phần mềm và cung cấp dịch vụ	Hoạt động khác	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	82.850.515.871	14.963.172.364	-	97.813.688.235
Chi phí bộ phận	73.364.358.122	1.632.051.835	-	74.996.409.957
Kết quả kinh doanh bộ phận	9.483.129.749	13.331.120.529	-	22.814.250.278
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				8.706.137.325
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				14.108.112.953
Doanh thu hoạt động tài chính				1.018.589.513
Chi phí tài chính				10.342.566.295
Thu nhập khác				326.081.961
Chi phí khác				488.477.342
Thuế TNDN hiện hành				20.945.519
Lợi nhuận sau thuế				4.600.795.271

37. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Thông tin các bên liên quan

* Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong 6 tháng đầu năm 2023 như sau:

	Chức danh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Đặng Nhị Nương	Giám đốc	121.000.000	121.000.000

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần trên, Ban Giám đốc cam kết không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công ty CP Sản xuất KD dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ
Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường
Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày
30/06/2023

38. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm 30/6/2023 và các thuyết minh có liên quan là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được Công ty TNHH kiểm toán TTP kiểm toán; Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/6/2022 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP.

Người lập biểu

Nguyễn Minh Hoa

Kế toán trưởng

Lê Thị Việt Hà

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2023



Phụ lục 1

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

NỘI DUNG	Số cuối kỳ		Số phát sinh Tăng	Giảm	Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ			Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Vay và nợ ngắn hạn	35.778.533.650	35.778.533.650	-	579.635.855	36.358.169.505	36.358.169.505	
Nợ dài hạn đến hạn trả							
- Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội (1)	35.778.533.650 235.004.213	35.778.533.650 235.004.213	-	579.635.855	36.358.169.505 235.004.213	36.358.169.505 235.004.213	
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Hà Nội (2)	35.543.529.437	35.543.529.437		579.635.855	36.123.165.292	36.123.165.292	
b. Vay và nợ dài hạn	134.572.400.451	134.572.400.451	-	411.812.178	134.160.588.273	134.160.588.273	
Trái phiếu dài hạn							
Mệnh giá trái phiếu thường (3)	134.572.400.451	134.572.400.451	-	411.812.178	134.160.588.273	134.160.588.273	
Chi phí phát hành trái phiếu	135.000.000.000 (427.599.549)	135.000.000.000 (427.599.549)			135.000.000.000 (839.411.727)	135.000.000.000 (839.411.727)	
Cộng	170.350.934.101	170.350.934.101	-	991.448.033	170.518.757.778	170.518.757.778	

Chi tiết một số khoản vay:

(1). Vay Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hà Nội theo các Hợp đồng như sau:

* Hợp đồng cho vay từng lần số 6782/17/TD-TT/II ngày 25/12/2017

- Số tiền vay: 1.344.000.000 VNĐ; Mục đích sử dụng vốn vay: đầu tư TSCĐ máy xét nghiệm phân tử tự động TRC READY-80
- Thời hạn cho vay: 60 tháng, ân hạn gốc 3 tháng ; Lãi suất : 6 tháng đầu tiền là 11.7%/năm, sau đó điều chỉnh theo Abbank
- Biện pháp bảo đảm: tài sản hình thành từ vốn vay theo hợp đồng thế chấp số 7324/17/TC-TT/II ngày 25/12/2017;
- Số dư tại thời điểm 30/6/2023: 235.004.213 VNĐ (trong đó Nợ dài hạn đến hạn trả là: 235.004.213VNĐ).

(2). Vay Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Hà Nội:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 0041900059900 ngày 28/11/2019; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung ngày 06/07/2021 về việc điều chỉnh lịch trả nợ gốc. Cụ thể như sau:

+ Số tiền vay: 40.000.000.000 VNĐ

+ Mục đích vay : Mua máy móc thiết bị y tế phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; Lãi suất vay: 11,5%/năm; Thời hạn vay: 48 tháng

+ Biện pháp bảo đảm: máy móc thiết bị y tế theo Hợp đồng thế chấp động sản số 0041900060000 ngày 28/11/2019.

+ Số dư vay tại 30/06/2023: 35.543.529.437 VNĐ, trong đó số dư nợ dài hạn đến hạn trả: 35.543.529.437 VNĐ (Số nợ gốc phải trả đến 30/6/2023 là: 28.645.433.437 VNĐ)

- Theo công văn số 21.07/2023 ngày 21/7/2023 do AMV gửi Ngân hàng TMCP Bản Việt và đã được Ngân hàng Bản Việt chấp thuận: Công ty sẽ hoàn thành việc thanh toán toán cho Ngân hàng Bản Việt tiền gốc và lãi từ tháng 9 năm 2023 đến tháng 6 năm 2024.

Công ty CP Sản xuất KD được và trang thiết bị y tế Việt Mỹ

Lầu 4, Tòa nhà Phú Mã Dương, số 85 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023

(3): Trái phiếu phát hành

Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ phát hành 2.000 trái phiếu riêng lẻ với mệnh giá 100.000.000 đồng Việt Nam/Trái phiếu, với mục đích để bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh; Hợp tác đầu tư dự án rác Vững Tàu; Hợp tác với Aiko đầu tư hệ thống máy Spect tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Thọ. Công ty đã chào bán thành công 1.350 trái phiếu, tương đương với 135.000.000.000 đồng.

Mã trái phiếu: BVVM.BOND.2021

Kỳ hạn trái phiếu: 36 tháng kể từ ngày phát hành.

Tài sản bảo đảm: Các máy móc, thiết bị y tế đang được sử dụng của Công ty CP Tập đoàn Quốc tế Aiko; Các máy móc, thiết bị y tế đang được sử dụng thuộc Dự án Trung tâm xét nghiệm IVF Phú Thọ và các máy móc thiết bị đang sử dụng tại công ty.